

LỊCH HƯỚNG DẪN SINH VIÊN THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP 1 VÀ 2 - HỌC KỲ 2 NĂM 2023
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
1	1921003563	Trần Thị Phương	Linh	19DQT2	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
2	1921003682	Thái Nguyễn Nhật	Quang	19DQT5	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
3	2021008556	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	20DQT1	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
4	2021002367	Võ Thị Thu	Quyên	20DQT1	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
5	2021006877	Trần Diệp Anh	Thư	20DQT1	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
6	2021006899	Trần Quang	Huy	20DQT1	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
7	2021007823	Nguyễn Hữu	Hạnh	20DQT2	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
8	2021007942	Phạm Văn Hữu	Tài	20DQT2	010110	2321101011001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
9	2021007812	Lê Tấn	Đạt	20DQT3	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
10	2021000561	Nguyễn Thành	Luân	20DQT3	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
11	2021007888	Nguyễn Hà Kim	Ngân	20DQT3	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
12	2021003050	Nguyễn Trọng	Tin	20DQT3	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
13	2021006940	Võ Hoàng Khánh	Linh	20DQT4	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
14	2021002901	Phạm Thị	Ngọc	20DQT4	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
15	2021003101	Nguyễn Huỳnh Quốc	Thịnh	20DQT4	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
16	2021003178	Phan Thảo Phương	Uyên	20DQT4	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
17	2021007964	Nguyễn Lâm	Thời	20DQT4	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
18	2021007983	Nguyễn Hồng Bảo	Trần	20DQT4	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
19	2021007984	Nguyễn Đức	Trí	20DQT4	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
20	2021007779	Phạm Thế	Anh	20DQT5	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
21	2021007944	Trần Nguyễn Ngọc	Tấn	20DQT5	010110	2321101011002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
22	2021007816	Nguyễn Minh	Đoàn	20DQT5	010110	2321101011003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
23	2021000539	Nguyễn Thị Hồng	Hà	20DQT5	010110	2321101011003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
24	2021007874	Phan Thị	Lý	20DQT5	010110	2321101011003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
25	2121013629	Nguyễn Mai Như	Quý	21DQT1	010110	2321101011004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
26	2121013717	Trần Lê Minh	Phương	21DQT1	010110	2321101011004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
27	2121006636	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	21DQT1	010110	2321101011004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
28	2121010796	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	21DQT1	010110	2321101011004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
29	2121006638	Nguyễn Thị Thúy	Vân	21DQT1	010110	2321101011004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
30	2121006842	Ngô Au Mỹ	Huyền	21DQT1	010110	2321101011004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
31	2121007194	Chu Thị Tinh	Thom	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
32	2121006997	Trần Thị Quỳnh	Như	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
33	2121007083	Trần Thị Minh	Thư	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
34	2121013834	Trần Tấn	Nghĩa	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
35	2121012922	Trương Nguyễn	Ngọc	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
36	2121007052	Nguyễn Ngọc	Hân	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
37	2121013504	Vũ Hồng	Nhung	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
38	2121006848	Trần Ngọc	Phi	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
39	2121010794	Nguyễn Thị Ánh	Linh	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
40	2121006727	Lê Thị Hồng	Yến	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
41	2121001733	Lê Hoàng	Nhật	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
42	2121001697	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuyền	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
43	2121006684	Nguyễn Huỳnh Đan	Vy	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
44	2121012800	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	21DQT1	010110	2321101011005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	6	11	25-30	MS-TEAMS	
45	2121006583	Đoàn Văn	Tinh	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
46	2121001719	Trần Thị Như	Duyên	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
47	2121001825	Đào Đức	Thắng	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
48	2121006785	Nguyễn Phúc	Hậu	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
49	2121006912	Ngô Minh	Khoa	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
50	2121007062	Vũ Thị Hoàng	Lan	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
51	2121006655	Nguyễn Hương	Giang	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
52	2121013772	Võ Đào Gia	Linh	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
53	2121001685	Chơ Liêng K'	Chen	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
54	2121001734	Nguyễn Huỳnh Thủy	Luyinh	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
55	2121001858	Nguyễn Kim	Ngân	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
56	2121006715	Khâu Huỳnh Trung	Đông	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
57	2121007133	Nguyễn Đăng Ngọc	Nhi	21DQT1	010110	2321101011006	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	5	25-30	TN-B.309	Tầng Nhon Phú
58	2121012835	Liêu Yến	Nhi	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
59	2121013565	Trương Thị Thúy	Quỳnh	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
60	2121001701	Trương Thị Thu	Thảo	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
61	2121001714	Nguyễn Thị Ngọc	Mơ	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
62	2121001581	Nguyễn Trọng	Trí	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
63	2121013209	Nguyễn Thị Mai	Trâm	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
64	2121006947	Nguyễn Nhật	Trình	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
65	2121007146	Hồ Nguyễn Tuyết	Nhung	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
66	2121013551	Nguyễn Tiến	Đạt	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
67	2121001705	Trần Thị Hồng	Ánh	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
68	2121007009	Trương Thị Hồng	Minh	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
69	2121007012	Lê Diệp Thu	Hương	21DQT1	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
70	2121013148	Giang Gia	Hân	21DQT2	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
71	2121001876	Lê Trương Hoàng	Thông	21DQT2	010110	2321101011007	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
72	2121012139	Võ Văn	Linh	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
73	21210011781	Đặng Nguyễn Bích	Trâm	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
74	2121006623	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
75	2121006627	Võ Thị Hạnh	Nguyễn	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
76	2121006631	Phan Thị Lan	Anh	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
77	2121011733	Phạm Thị Minh	Hương	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
78	2121013552	Trương Tân	Đạt	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
79	2121006774	Trần Nguyễn	Thảo	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
80	2121012107	Nguyễn Đặng Hải	Yến	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
81	2121007024	Nguyễn Thị Bích	Ni	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
82	2121007076	Trần Phương Thảo	Vy	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
83	2121006603	Lê Nguyễn Kỳ	Duyên	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
84	2121006613	Trần Quốc	Thắng	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
85	2121006688	Thái Văn	Sâm	21DQT2	010110	2321101011008	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
86	2121013254	Phan Trọng	Ngo	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
87	2121011517	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
88	2121006770	Tô Hoàng	Khải	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
89	2121006838	Lê Huỳnh Thái	Hùng	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
90	2121001865	Đỗ Thị Xuân	Hiếu	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
91	2121013488	Huỳnh Thị Kim	Nhung	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
92	2121007711	Nguyễn Hồng Thảo	Như	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
93	2121010838	Nguyễn Ngọc Đan	Thy	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
94	2121013037	Nguyễn Thị	Hậu	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
95	2121006932	Nguyễn Hồng	Vân	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
96	2121007113	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
97	2121012841	Ngô Thị Tuyết	Nhi	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
98	2121006722	Võ Thị Hồng	Phân	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
99	2121006866	Phạm Hồng	Liên	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
100	2121007158	Nguyễn Thị Minh	Thu	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
101	2121001776	Nguyễn Trương Trà	My	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
102	2121007180	Phan Cẩm	Ly	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
103	2121006732	Trần Nhật	Linh	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
104	2121001722	Lê Thị Bảo	Trần	21DQT2	010110	2321101011009	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
105	2121006820	Lý Thị Trố	Suong	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
106	2121012287	Võ Anh	Kiệt	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
107	2121016300	Nguyễn Đức	Trong	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
108	2121012860	Bùi Toàn	Phú	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
109	2121012619	Phạm Hoài Thúy	Ngân	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
110	2121007140	Nguyễn Bùi Tấn	Minh	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
111	2121012034	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
112	2121012561	Huỳnh Văn	Nhật	21DQT2	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
113	2121001816	Hoàng Nguyễn Hoài	Nhi	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
114	2121011519	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
115	2121006781	Huỳnh Thanh	Trúc	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
116	2121012111	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
117	2121006877	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
118	2121013421	La Mỹ	Hương	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
119	2121001620	Trần Nhứt	Quang	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
120	2121006679	Hoàng Mỹ	Duyên	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
121	2121006645	Nguyễn Thị Phương	Chi	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
122	2121006994	Lê Vũ	Hằng	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
123	2121006786	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	21DQT3	010110	2321101011010	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
124	2121001834	Lê Kiều Phương	Loan	21DQT2	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
125	2121001835	Trần Thị Kim	Chi	21DQT2	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
126	2121001838	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	21DQT2	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
127	2121006672	Nguyễn Thị Quỳnh	Thu	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
128	2121006690	Nguyễn Hữu	Nguyễn	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
129	2121010854	Nguyễn Thị Quế	Anh	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
130	2121001868	Nguyễn Thị Kiều	Loan	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
131	2121012846	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
132	2121012431	Hồ Thị Hồng	Nữ	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
133	2121001649	Nguyễn Hoàng	Lan	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
134	2121006767	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
135	2121006812	Phan Thị Hồng	Phân	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
136	2121012193	Võ Huyền	Thảo	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
137	2121006667	Nguyễn Hoàng	Vũ	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
138	2121007007	Nguyễn Thị Lê	Na	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
139	2121006835	Đào Tấn	Thắng	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
140	2121006850	Dương Thị Khánh	Linh	21DQT3	010110	2321101011011	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
141	2121006694	Trần Thị Bích	Trần	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
142	2121010851	Đặng Ngọc Ánh	Như	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
143	2121010852	Quan Bảo	Vy	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
144	2121010878	Nguyễn Ngọc Anh	Thu	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
145	2121011505	Trần Lê Ly	Ly	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
146	2121010896	Lê Đình Anh	Minh	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
147	2121013652	Phạm Thị	Sáu	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
148	2121012169	Hồ Ngọc Mỹ	Linh	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
149	2121001633	Trịnh Thị	Tuyết	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
150	2121001779	Lâm Hải	Đặng	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
151	2121012830	Vòng Sau Mỹ	Phụng	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
152	2121007081	Võ Thị Kim	Liên	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
153	2121013041	Ngô Trí	Hùng	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
154	2121006618	Vũ Thị Ngọc	Trâm	21DQT3	010110	2321101011012	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
155	2121013489	Huỳnh Thị Thu	Nhung	21DQT3	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
156	2121013572	Mai Tăng Phú	Quý	21DQT3	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
157	2121011751	Đặng Thừa	Khang	21DQT3	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
158	2121012647	Lê Minh	Thy	21DQT3	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
159	2121013090	Huỳnh Chí	Trung	21DQT3	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
160	2121012575	Lê Hoàng	Quang	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
161	2121001791	Đình Thị Trang	Đài	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
162	2121001594	Nguyễn Phương	Nghi	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
163	2121007022	Đặng Thị	Chiến	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
164	2121013389	Trần Thị Minh	Thu	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
165	2121013288	Trần Nguyễn Phương	Thảo	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
166	2121013177	Phạm Công	Minh	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
167	2121012725	Hà Duyên Việt	Hung	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
168	2121012291	Nguyễn Thị	Hòa	21DQT4	010110	2321101011013	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
169	2121012409	Đoàn Lê Mỹ	Trần	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
170	2121007175	Mai Bích	Trâm	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
171	2121011621	Vũ Ngọc	Danh	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
172	2121006735	Lê Thị Mỹ	Duyên	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
173	2121012172	Hoàng Kiều	Linh	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
174	2121007134	Trần Vũ Phương	Đoan	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
175	2121013806	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
176	2121013298	Nguyễn Công	Vương	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
177	2121001845	Trần Thị	Lan	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
178	2121001770	Phạm Tuyết	Nhung	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
179	2121001592	Nguyễn Đoàn Phương	Mai	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
180	2121006964	Nguyễn Kim	Lin	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
181	2121006831	Nguyễn Thị Tường	Duy	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
182	2121006841	Nguyễn Thị Phương	Uyên	21DQT4	010110	2321101011014	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
183	2121013453	Trần Thị Huyền	Cơ	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
184	2121010870	Nguyễn Đức	Anh	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
185	2121011569	Lê Nguyễn Ngọc	Trình	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
186	2121011526	Tăng Yến	Nhi	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
187	2121012545	Nguyễn Khắc Vinh	An	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
188	2121012563	Trần Hương	Nhu	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
189	2121001624	Văn Thành	Phát	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
190	2121012525	Nguyễn Quốc	Khánh	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
191	2121006736	Lê Phước	Bình	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
192	2121006742	Trần Thị Kim	Nhã	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
193	2121006891	Nguyễn Phạm Diệu	Linh	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
194	2121006903	Đặng Thị Như	Quỳnh	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
195	2121006933	Huyền Duy	Hạnh	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
196	2121013411	Võ Thị	Hương	21DQT4	010110	2321101011015	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
197	2121012981	Nguyễn Văn	Thắng	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
198	2121013357	Sỹ Cẩm	Tiên	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
199	2121001823	Huỳnh Đăng Mai	Nhi	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
200	2121007014	Bùi Ngọc Quỳnh	Giao	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
201	2121006888	Trần Thị Thu	Ngân	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
202	2121012434	Võ Nguyễn My	Nà	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
203	2121001862	Nguyễn Trương Mỹ	Quỳnh	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
204	2121012004	Hà Thị Thúy	Hiền	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
205	2121006714	Trần Vũ	Hà	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
206	2121006925	Phạm Ngọc	Nương	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
207	2121013350	Lê Thị Tường	Vy	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
208	2121013495	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
209	2121012591	Nguyễn Trần Tấn	Tài	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
210	2121001675	Nguyễn Thị Anh	Thư	21DQT4	010110	2321101011016	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thủy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
211	2121007050	Hồ Thị Kim	Ngọc	21DQT4	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
212	2121013180	Trần Công	Minh	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
213	2121001863	Phan Huỳnh Thanh	Tâm	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
214	2121011877	Hà Nguyễn Quỳnh	Nhi	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
215	2121011717	Lê Kim	Ngân	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
216	2121007091	Nguyễn Ngọc Huyền	Nhung	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
217	2121011835	Nguyễn Minh	Phát	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
218	2121007002	Lê Thị	Hiền	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
219	2121007110	Trình Đức	Bình	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
220	2121011863	Vương Trọng	Nhân	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
221	2121006676	Lê Ngọc Anh	Thư	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
222	2121001673	Lê Thị Ngọc	Hân	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
223	2121001582	Nguyễn Thị Diễm	Hương	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
224	2121012529	Trần Đỗ Kim	Khánh	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
225	2121013361	Võ Thị Cẩm	Tiên	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
226	2121006917	Huyền	Như	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
227	2121011991	Trần Minh	Huy	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
228	2121010859	Đình Công	Thanh	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
229	2121001872	Huỳnh Sóc	Chonh	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
230	2121001771	Mạc Thị	Linh	21DQT5	010110	2321101011017	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	5	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
231	2121007207	Nguyễn Khánh Anh	Thơ	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
232	2121011638	Nguyễn Đăng	Doanh	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
233	2121006927	Vương Mẫn	Nghi	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
234	2121007017	Phạm Thế	Hiền	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
235	2121007082	Lê Thị Mộng	Quỳnh	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
236	2121013501	Vân Thị Hồng	Nhung	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
237	2121011572	Nguyễn Lê Uyên	Trình	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
238	2121006897	Lê Tường	Duy	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
239	2121006904	Nghiêm Hoàng Yến	Nhi	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
240	2121013467	Đặng Phương	Duyên	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
241	2121006629	Huỳnh Thị Ý	Lan	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
242	2121013110	Huỳnh Ngọc	Anh	21DQT5	010110	2321101011018	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
243	2121012160	Phan Thành	Long	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
244	2121006798	Lê Thị Thu	Trang	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
245	2121006934	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
246	2121007116	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
247	2121007127	Hồ Thị Nhã	Uyên	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
248	2121013658	Nguyễn Hoàng	Son	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
249	2121001840	Nguyễn Hồng	Ngân	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
250	2121012660	Đào Nguyễn Nguyễn	Phương	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
251	2121007187	Đoàn Thị Khánh	Linh	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
252	2121006902	Đoàn Trương Triệu	Minh	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
253	2121001739	Lương Bùi Tuyết	Hoa	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
254	2121007128	Mai Thị Cẩm	Tú	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
255	2121013755	Phạm Ngọc Tú	Linh	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
256	2121013028	Trần Thị	Huế	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
257	2121010849	Nguyễn Ngọc Mỹ	Trâm	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
258	2121006652	Trần Tấn	Đạt	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
259	2121006968	Hà Kiều	Oanh	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
260	2121011614	Trần Thị Như	Hào	21DQT5	010110	2321101011019	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
261	2121013097	Doãn Thị Vân	Anh	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
262	2121006836	Nguyễn Thị Phương	Quyên	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
263	2121012675	Nguyễn Trung	Hiếu	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
264	2121006991	Dương Thụy Phương	Anh	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
265	2121001715	Lê Dương Anh	Kỳ	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
266	2121001615	Kiều Thị Mỹ	Triệu	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
267	2121006658	Trần Ngọc Xuân	Mai	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
268	2121006606	Phạm Ngọc	Hà	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
269	2121013194	Đào Thị Minh	Trâm	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
270	2121006737	Phan Thúy	Duy	21DBH2	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
271	2121011885	Nguyễn Anh	Thư	21DBH3	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
272	2121006858	Nguyễn Thị Kim	Huế	21DBH3	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
273	2121006816	Võ Ngọc	Nhi	21DBH3	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
274	2121013221	Võ Thị Quỳnh	Như	21DBH3	010112	2321101011201	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
275	2121007030	Phạm Bùi Phương	Trúc	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
276	2121006963	Nguyễn Thị Thu	Ngân	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
277	2121013640	Hoàng Thị	Quỳnh	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
278	2121007015	Võ Nguyễn Yến	Nhi	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
279	2121006954	Huỳnh Tấn	Nghĩa	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
280	2121001824	Nguyễn Ngọc	Thắm	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
281	2121001602	Nguyễn Thị Trà	My	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
282	2121006671	Phạm Thị Tố	Trinh	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
283	2121006700	Huỳnh Mai	Kiều	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
284	2121013742	Mang Vũ Duy	Tấn	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
285	2121007145	Lê Chánh	Tin	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
286	2121006987	Trần Thị Kim	Hoa	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
287	2121001809	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
288	2121001692	Huỳnh Chí	Hậu	21DBH1	010112	2321101011202	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
289	2121001864	Nguyễn Thị Kim	Ngân	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
290	2121010835	Lê Thị Bảo	Uyển	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
291	2121007142	Nguyễn Bảo	Trần	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
292	2121007049	Lữ Thị Yến	Nhi	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
293	2121007211	Trương Nguyễn Bảo	Chi	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
294	2121001806	Lê Thị Hà	Phương	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
295	2121006747	Nguyễn Hoàng	Khang	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
296	2121007186	Phan Thị Ngọc	Diễm	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
297	2121001641	Trang Thị Kim	Thùy	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
298	2121001783	Dương Thị Kim	Ngoan	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
299	2121001826	Lê Huỳnh Mai	Liên	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
300	2121011671	Nguyễn Thị Y	Bình	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
301	2121012983	Quách Phan Anh	Thắng	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
302	2121007131	Châu Thị Thanh	Ngân	21DBH2	010112	2321101011203	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
303	2121001743	Võ Huỳnh	Như	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
304	2121001805	Nguyễn Thị Khánh	Vy	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
305	2121011667	Nguyễn Chí	Bình	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
306	2121011933	Vũ Hoàng Phương	Uyển	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
307	2121001659	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
308	2121001847	Trần Dương Hồng	Cúc	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
309	2121001837	Huỳnh Phương	An	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
310	2121012679	Phạm Thái	Hiếu	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
311	2121007149	Trần Quốc	Danh	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
312	2121007045	Lưu Trí	Hải	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
313	2121006740	Lê Thị Thu	Diệu	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
314	2121001681	Nguyễn Ngọc Anh	Triệu	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
315	2121001807	Ngô Thị Như	Quỳnh	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
316	2121006926	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	21DBH3	010112	2321101011204	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
317	2121012963	Huỳnh Hồng	Đạt	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
318	2121006680	Phạm Thị Huế	Trần	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
319	2121012016	Đặng Thùy	Trang	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
320	2121006640	Trương Hoàng	Phó	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
321	2121001866	Trần Đăng	Khoa	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
322	2121012417	Ngô Thị Thanh	Nguyễn	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
323	2121007157	Nguyễn Hương	Giang	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
324	2121001813	Nguyễn Thị Minh	Anh	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
325	2121013732	Nguyễn Huy	Hải	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
326	2121013116	Huỳnh Mẫn	Lan	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
327	2121006865	Nguyễn Thị Thúy	Vy	21DBH1	010112	2321101011205	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
328	2121006772	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
329	2121001853	Hoàng Thị Thủy	Dung	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
330	2121006695	Lê Thị Quỳnh	Hương	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
331	2121013210	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
332	2121010893	Lê Thị Thủy	Trang	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
333	2121006832	Trần Ngọc	Hân	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
334	2121001710	Trương Quốc	Anh	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
335	2121007173	Nguyễn Sỹ Trâm	Anh	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
336	2121007166	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
337	2121006860	Nguyễn Hoàng	Lan	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
338	2121006710	Lê Bích	Phuong	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
339	2121001695	Cao Thanh	Tâm	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
340	2121001833	Phan Phương	Phương	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
341	2121001727	Ta Ngọc	Minh	21DBH3	010112	2321101011206	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
342	2121006788	Nguyễn Hàn	Uyên	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
343	2121006729	Nguyễn Thị Thu	Trang	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
344	2121001656	Trần Minh	Quân	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
345	2121012940	Vũ Thị Kim	Anh	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
346	2121010793	Nguyễn Tự Tú	Như	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
347	2121006668	Võ Ngọc Lan	Trinh	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
348	2121012632	Hoàng Ngọc Phạm	Thương	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
349	2121007037	Nguyễn Thị Phương	Cúc	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
350	2121007038	Trần Thị Mi	Huỳnh	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
351	2121001696	Lưu Thị Ngọc	Chi	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
352	2121006649	Võ Thị Thảo	Linh	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
353	2121013799	Lê Thanh	Mai	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
354	2121006602	Nguyễn Lê Tuyết	Phuong	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
355	2121006617	Hoàng Thị Phương	Thảo	21DBH1	010112	2321101011207	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
356	1721002412	Huỳnh Hữu	Thịnh	17DBH2	010112	2321101011208	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
357	1921003704	Võ Phạm Thái	Son	19DBH2	010112	2321101011208	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
358	2021003591	Nguyễn Việt	Huy	20DBH3	010112	2321101011208	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
359	2021007839	Trần Đức	Hùng	20DBH3	010112	2321101011208	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	1	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
360	2121013240	Nguyễn Anh	Khoa	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
361	2121006633	Nguyễn Phương	Thủy	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
362	2121006683	Đinh Thị Thanh	Trúc	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
363	2121006607	Nguyễn Thị Bích	Tuyển	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
364	2121007124	La Thị Như	Quỳnh	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
365	2121006949	Trần Gia	Liêu	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
366	2121012205	Trần Thị Quỳnh	Mai	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
367	2121001762	Bùi Văn	Nghĩa	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
368	2121006691	Phạm Duy	Khánh	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
369	2121007121	Nguyễn Hoàng	Thiên	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
370	2121001725	Nguyễn Thị Xuân	Kiều	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
371	2121013604	Mohamed Tuyết	Anh	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
372	2121001593	Nguyễn Ngọc	Châm	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
373	2121001627	Lê Thị Doan	Trang	21DBH3	010112	2321101011209	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	2	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
374	2121006892	Lâm Đỗ Như	Quỳnh	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
375	2121001759	Nguyễn Thị	Nguyệt	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
376	2121011574	Nguyễn Phùng Phương	Trinh	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
377	2121007182	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Án	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
378	2121001856	Trần Anh	Trương	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
379	2121006632	Lữ Thị Cúc	Phương	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
380	2121006883	Nguyễn Thị Kim	Cương	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
381	2121007088	Lê Xuân	Huân	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
382	2121011881	Lê Nguyễn Anh	Thư	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
383	2121001611	Huỳnh Bùi Duy	Minh	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
384	2121006967	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
385	2121006745	Lê Đỗ Huyền	Trang	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
386	2121013211	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
387	2121001855	Huỳnh Trần Thu	Hương	21DBH2	010112	2321101011210	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
388	2021003290	Trần Thị Mỹ	Duyên	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
389	2021003280	Nguyễn Nhật	Ha	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
390	2021003436	Nguyễn Thu	Hương	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
391	2021000456	Nguyễn Tri	Báo	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
392	2021003603	Quảng Thị Trọng	Thủy	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
393	2021007861	Đặng Thị Kim	Liên	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
394	2021007934	Lê Minh	Sang	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
395	2021007955	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
396	2021000488	Đặng Thị	Nguyệt	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
397	2021003030	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
398	2021003125	Lê Diễm	Trang	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
399	2021007874	Phan Thị	Lý	20DQT5	010252	2321101025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
400	2021007817	Trương Minh	Đức	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
401	2021003248	Trần Thị Thanh	Thảo	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
402	2021002987	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
403	2021006960	Ngô Thị Minh	Hồng	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
404	2021003429	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
405	2021000524	Trần Hải	Đặng	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
406	2021007921	Nguyễn Đức Hoàng	Phước	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
407	2021008019	Trần Nguyễn Kim	Yến	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
408	2021006877	Trần Diệp Anh	Thư	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
409	2021006899	Trần Quang	Huy	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
410	2021003565	Bùi Thị	Linh	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
411	2021003379	Lê Thị Vân	Khánh	20DQT1	010252	2321101025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
412	2021003168	Trần Tùng	Linh	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
413	2021002936	Đào Thị Hồng	Huệ	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
414	2021003712	Bùi Dương Ngọc	Hà	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
415	2021007906	Nguyễn Quang	Nhật	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
416	2021007781	Trần Ngọc Quế	Anh	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
417	2021007785	Lê Hoàng	Ấn	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
418	2021007784	Phùng Thị Ngọc	Ánh	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
419	2021007796	Nguyễn Quốc	Chung	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
420	2021006867	Lê Anh	Thư	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
421	2021007825	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
422	2021003494	Thiều Si	Tuyển	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
423	2021002933	Trần Tuyết	Nhi	20DQT3	010252	2321101025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hồ Xuân Tiến	NV3984	6	5	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
424	2021003682	Phạm Thị Huỳnh	Như	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
425	2021003021	Nguyễn Tấn	Hưng	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
426	2021003178	Phan Thảo Phương	Uyên	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
427	2021003398	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
428	2021007964	Nguyễn Lâm	Thời	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
429	2021003326	Nguyễn Thị Thu	Giang	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
430	2021007845	Võ Huỳnh	Hương	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
431	2021007978	Nguyễn Võ Khánh	Toàn	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
432	2021007983	Nguyễn Hồng Bảo	Trần	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
433	2021007905	Huỳnh Tấn	Nhật	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
434	2021000541	Nguyễn Thị Bảo	Truyền	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
435	2021003029	Huỳnh Thị Nguyệt	Vân	20DQT4	010252	2321101025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
436	2021007793	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
437	2021007873	Trần Công	Lợi	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
438	2021003242	Nguyễn Thuận	Hải	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
439	2021003581	Lê Thị Diệp	Ngọc	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
440	2021002963	Trần Vũ Anh	Thị	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
441	2021002889	Nguyễn Văn	Lanh	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
442	2021003649	Võ Thị	Thảo	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
443	2021003672	Nguyễn Thị Thu	Giang	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
444	2021003718	Lê Thị Kiều	Nhi	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
445	2021007942	Phạm Văn Hữu	Tài	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
446	2021007837	Đoàn Thị Ánh	Hồng	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
447	2021002929	Nguyễn Thị Trà	My	20DQT2	010252	2321101025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
448	2021003455	Đoàn Huỳnh	Thư	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
449	2021002869	Trần Tú	Anh	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
450	2021000496	Lê Thị Yên	Thor	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
451	2021008008	Lê Quang	Vinh	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
452	2021007832	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
453	2021000566	Lê Huỳnh Mai	Thanh	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
454	2021007967	Phan Minh	Thuận	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
455	2021003040	Nguyễn Khánh	Linh	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
456	2021007862	Đặng Thị Mỹ	Linh	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
457	2021007911	Dương Ngọc	Như	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
458	2021000555	Nguyễn Tuấn	Đạt	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
459	2021003146	Lê Tường	Vy	20DQT2	010252	2321101025206	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	5	11	25-30	TN-B.110	Tầng Nhon Phú
460	1921003682	Thái Nguyễn Nhứt	Quang	19DQT5	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
461	1921003592	Lê Huỳnh Ngọc	Nam	19DQT5	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
462	2021008556	Nguyễn Hoàng Minh	Thông	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
463	2021007893	Trình Thị Quỳnh	Ngân	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
464	2021002966	Nguyễn Tấn	Mẫn	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
465	2021003537	Đỗ Thị Như	Quỳnh	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
466	2021007913	Nguyễn Đăng Quỳnh	Như	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
467	2021007939	Dương Thị Tuyết	Sương	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
468	2021006953	Đặng Thủy	Trang	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
469	2021003186	Lê Minh	Thuận	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
470	2021003239	Nguyễn Thị Nhật	Vy	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
471	2021003078	Huỳnh Thị Minh	Thi	20DQT1	010252	2321101025207	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Phi Hoàng	1083	CN	5	25-30	MS-TEAMS	
472	2021002960	Huỳnh Công	Vinh	20DQT1	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
473	2021003252	Cao Thảo	Ngân	20DQT1	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
474	2021003337	Lý Huỳnh	Như	20DQT1	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
475	2021007924	Phạm Văn	Phượng	20DQT1	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
476	2021007958	Huỳnh Hồ Ngọc	Thắng	20DQT1	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
477	2021003434	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
478	2021000550	Phan Thị Hồng	Nhung	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
479	2021007976	Lê Thị Kim	Tiền	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
480	2021003610	Huỳnh Thị Mỹ	Hà	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
481	2021003438	Dương Thị Huỳnh	Như	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
482	2021003530	Phạm Thị Bích	Phượng	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
483	2021007823	Nguyễn Hữu	Hạnh	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
484	2021007780	Phạm Thị Vân	Anh	20DQT2	010252	2321101025208	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
485	2021003198	Trần Đức	Anh	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
486	2021003320	Lê Thúy	Bình	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
487	2021003339	Lê Thị Mỹ	Hưng	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
488	2021003369	Nguyễn Thị Tường	Vì	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
489	2021003058	Mai Thị Thanh	Hằng	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
490	2021007914	Nguyễn Thị Minh	Như	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
491	2021000501	Trương Thị Tuyết	Thương	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
492	2021002864	Ngô Thị Mỹ	Uyên	20DQT3	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
493	2021007985	Lê Thị Mỹ	Trình	20DQT4	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
494	2021007843	Đào Nguyễn Văn	Hưng	20DQT4	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
495	2021002926	Phạm Anh	Khoa	20DQT4	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
496	2021003512	Phan Dương Hồng	Ngân	20DQT4	010252	2321101025209	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	2	10	25-30	TN-B.208	Tầng Nhon Phú
497	2021002974	Nguyễn Lê Tú	Trình	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
498	2021003626	Huỳnh Trung	Nguyễn	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
499	2021003677	Nguyễn Hoàng	Huyền	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
500	2021007805	Tạ Đình Nhật	Duy	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
501	2021003488	Trần Thị Kim	Ngân	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
502	2021003519	Ngô Huỳnh Đông	Nghe	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
503	2021003441	Lâm Thanh	Manh	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
504	2021008003	Đoàn Xuân	Uyên	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
505	2021006907	Nguyễn Trần Thanh	Vì	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
506	2021003668	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
507	2021003099	Đào Thiên Quỳnh	Hương	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
508	2021003358	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
509	2021007917	Lý Thành	Ninh	20DQT2	010252	2321101025210	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
510	2021003282	Nguyễn Trương Hoài	Thương	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
511	2021008006	Nguyễn Thị Tú	Vì	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
512	2021003670	Võ Nguyễn Kim	Ngân	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
513	2021003631	Nguyễn Tuyết	Nhi	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
514	2021003407	Nguyễn Huỳnh Ai	Vy	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
515	2021006940	Võ Hoàng Khánh	Linh	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
516	2021006910	Nguyễn Trần Thảo	Nguyễn	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
517	2021003101	Nguyễn Huỳnh Quốc	Thịnh	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
518	2021002901	Phạm Thị	Ngọc	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
519	2021007790	Nguyễn Thị	Bình	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
520	2021007953	Nguyễn Lê Phương	Thảo	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
521	2021007915	Nguyễn Thị Tuyết	Như	20DQT4	010252	2321101025211	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
522	2021007812	Lê Tấn	Đạt	20DQT3	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
523	2021003600	Cao Hồng	Oánh	20DQT3	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
524	2021003133	Nguyễn Ánh	Vân	20DQT3	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
525	2021003666	Nguyễn Quỳnh	Như	20DQT3	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
526	2021007815	Thiều Trần Thục	Đoan	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
527	2021007786	Phan Trần Sở	Án	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
528	2021003733	Võ Ngọc	Chương	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
529	2021003528	Bùi Nguyễn Khánh	Ly	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
530	2021003619	Mai Kim	Phượng	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
531	2021007984	Nguyễn Đức	Trí	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
532	2021007970	Nguyễn Anh	Thư	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
533	2021007950	Nguyễn Công	Thành	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
534	2021003500	Nguyễn Tiểu	Băng	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
535	2021000536	Nguyễn Văn	Ý	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
536	2021003117	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
537	2021003214	Võ Thị Hồng	Phấn	20DQT4	010252	2321101025212	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
538	2021002949	Lâm Mỹ	Hoa	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
539	2021007989	Nguyễn Quang	Trung	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
540	2021008013	Võ Nguyễn Thúy	Vy	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
541	2021003611	Trần Thúy	Vy	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
542	2021003482	Hồ Thị Ngọc	Trần	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
543	2021003504	Trần Như	Quỳnh	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
544	2021007860	Nguyễn Trường	Lâm	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
545	2021000561	Nguyễn Thành	Luân	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
546	2021003736	Huỳnh Văn	Lịch	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
547	2021008005	Hà Thị Tường	Vi	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
548	2021003307	Ngô Thị Mỹ	Huyền	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
549	2021007956	Trần Huỳnh Hương	Thảo	20DQT3	010252	2321101025213	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Thị Siêm	NV1060	3	8	25-30	TN-G.001	Tầng Nhon Phú
550	2021003705	Mai Trung	Kiên	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
551	2021000527	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
552	2021007778	Nguyễn Ngọc Thế	Anh	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
553	2021008001	Đặng Ngọc Thục	Uyên	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
554	2021008004	Hoàng Thị Bích	Vân	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
555	2021003240	Vũ Thị Thu	Hà	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
556	2021006922	Đỗ Hồng	Mỹ	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
557	2021000514	Ngô Huỳnh Diễm	Trinh	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
558	2021007974	Lê Phan Bảo	Thy	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
559	2021007982	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
560	2021007988	Huỳnh Thị Kim	Trúc	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
561	2021007789	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	20DQT1	010252	2321101025214	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trần Vinh Hoàng	1296	7	6	25-30	MS-TEAMS	
562	2021007888	Nguyễn Hà Kim	Ngân	20DQT3	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
563	2021003050	Nguyễn Trọng	Tin	20DQT3	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
564	2021003334	Huỳnh Tuấn	Nguyễn	20DQT3	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
565	2021002993	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	20DQT3	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
566	2021003549	Võ Bá	Vinh	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
567	2021003412	Đặng Thị Hồng	Nhung	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
568	2021000562	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
569	2021003370	Trần Lâm Ngọc	Vy	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
570	2021003031	Nguyễn Mai	Nhi	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
571	2021002877	Nguyễn Hải Quỳnh	Như	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
572	2021007919	Đặng Thị Hồng	Phúc	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
573	2021007981	Đoàn Bảo	Trâm	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
574	2021003215	Đào Thị Hồng	Vân	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
575	2021002952	Trần Văn Nhứt	Trương	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
576	2021002997	Võ Thị Thu	Ngân	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
577	2021002970	Nguyễn Thị Tô	Trinh	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
578	2021002908	Biển Hà Thái	Học	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
579	2021007885	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
580	2021007863	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
581	2021002866	Đương Mỹ	Ý	20DQT5	010252	2321101025215	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Trương Thị Thúy Vân	1281	2	5	25-30	TN-B.402	Tầng Nhon Phú
582	2021003513	Nguyễn Văn	Nghĩa	20DQT3	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
583	2021000462	Hồ Thị Thúy	Ngọc	20DQT3	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
584	2021006862	Bùi Mỹ	Duyên	20DQT3	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
585	2021007986	Nguyễn Thị Thu	Trình	20DQT3	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
586	2021007969	Lê Anh	Thư	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
587	2021007994	Lê Anh	Tuấn	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
588	2021007900	Nguyễn Hoàng Kim	Ngọc	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
589	2021000531	Lê Thị Bạch	Cúc	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
590	2021003121	Phùng Thị Bích	Ngọc	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
591	2021007779	Phạm Thế	Anh	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
592	2021000441	Trần Thanh	Hiền	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
593	2021007816	Nguyễn Minh	Đoàn	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
594	2021007960	Nguyễn Ngọc	Thịnh	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
595	2021007923	Nguyễn Thế	Phượng	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
596	2021007944	Trần Nguyễn Ngọc	Tân	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
597	2021007881	Trần Thị Diễm	My	20DQT5	010252	2321101025216	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	Chuẩn	Vũ Hồng Vân	NV1283	4	5	25-30	TN-B.111	Tầng Nhon Phú
598	2132000066	Trần Thị Bích	Liên	LTDH17QT	010252	2321301025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
599	2132000069	Lương Hương	Lý	LTDH17QT	010252	2321301025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
600	2132000075	Nguyễn Văn	Thái	LTDH17QT	010252	2321301025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
601	2132000081	Lê Quang	Vinh	LTDH17QT	010252	2321301025201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	3	8	25-30	TN-B.306	Tầng Nhon Phú
602	2132000082	Nguyễn Thanh	Vy	LTDH17QT	010252	2321301025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
603	1832000180	Võ Thị	Nở	LTDH14QT1	010252	2321301025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
604	2132000064	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	LTDH17QT	010252	2321301025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
605	2132000067	Vưu Mỹ	Linh	LTDH17QT	010252	2321301025202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
606	2132000080	Lê Mạnh	Trương	LTDH17QT	010252	2321301025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	12	25-30	MS-TEAMS	
607	2132000068	Trương Hoàng Chí	Linh	LTDH17QT	010252	2321301025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	12	25-30	MS-TEAMS	
608	2132000077	Nguyễn Vũ Thanh	Thúy	LTDH17QT	010252	2321301025203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	12	25-30	MS-TEAMS	
609	2132000078	Huỳnh Thị	Trâm	LTDH17QT	010252	2321301025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
610	2132000070	Phan Thị Kim	Ngân	LTDH17QT	010252	2321301025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
611	2132000065	Ngô Mộng	Huỳnh	LTDH17QT	010252	2321301025204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Tiêu Văn Trang	1249	2	11	25-30	MS-TEAMS	
612	2132000060	Nguyễn Đức	Đạt	LTDH17QT	010252	2321301025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
613	2132000058	Ngô Nguyễn Lan	Anh	LTDH17QT	010252	2321301025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
614	2132000074	Lê Minh	Tấn	LTDH17QT	010252	2321301025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
615	2132000079	Đặng Kiều	Trang	LTDH17QT	010252	2321301025205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	LTDH	Trần Quốc Tuấn	NV1049	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
616	2021007927	Hà Minh	Quân	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
617	2021007865	Nguyễn Kiều Phương	Linh	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
618	2021006880	Nguyễn Minh	Khang	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
619	2021003292	Nguyễn Ai	Vy	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
620	2021003674	Đặng Ngọc Thảo	Quỳnh	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
621	2021002895	Nguyễn Thị Quê	Trần	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
622	2021007910	Nguyễn Thị Phi	Nhung	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
623	2021007968	Hồ Hoàng Thanh	Thùy	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
624	2021007973	Võ Trần Minh	Thư	20DBH3	010253	2321101025301	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Ngọc Hải	1060	3	5	25-30	TN-C.005	Tầng Nhon Phú
625	2021007807	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
626	2021007866	Nguyễn Nhật	Linh	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
627	2021003231	Nguyễn Thị Hồng	Hân	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
628	2021007842	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
629	2021003103	Trần Thị Tường	Vì	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
630	2021003195	Võ Đức	Hùng	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
631	2021002898	Đương Thanh	Quân	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
632	2021003335	Trần Kim	Ngân	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
633	2021007851	Đặng Đỗ Duy	Khánh	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
634	2021003193	Nguyễn Thị Thùy	Đương	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
635	2021003283	Nguyễn Đình Thảo	My	20DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
636	1921003704	Võ Phạm Thái	Sơn	19DBH2	010253	2321101025302	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	5	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
637	2021003199	Nguyễn Đình	Phùng	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
638	2021007899	Huỳnh Bảo	Ngọc	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
639	2021003419	Phạm Thị Hồng	Nhung	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
640	2021003559	Trình Gia	Lâm	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
641	2021003497	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
642	2021000443	Phan Thị Mỹ	Tiên	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
643	2021002928	Ngô Thị Diệu	Linh	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
644	2021003332	Trần Hữu	Nhân	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
645	2021003267	Huỳnh Thị Hoàng	Yên	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
646	2021003211	Nguyễn Thị	Thảo	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lương Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
647	2021003655	Phùng Chí	Tâm	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
648	2021007935	Lương Văn	Sang	20DBH2	010253	2321101025303	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Lượng Văn Quốc	12073	5	11	25-30	MS-TEAMS	
649	2021003574	Bùi Thị Băng	Nhi	20DBH1	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
650	2021007803	Bùi Tăng Trí	Dũng	20DBH1	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
651	2021002867	Trần Hồng Quỳnh	Như	20DBH1	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
652	2021007933	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20DBH1	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
653	2021007886	Nguyễn Bích	Ngân	20DBH1	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
654	2021000508	Trương Hoàng	Thuần	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
655	2021007810	Nguyễn Duy	Đan	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
656	2021003507	Lý Thu	Hiển	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
657	2021003654	Nguyễn Thị Như	Y	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
658	2021003661	Trần Ngọc Bảo	Trâm	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
659	2021003737	Trần Ngọc	Nhi	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
660	2021003259	Đào Thị Khánh	Phương	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
661	2021003373	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy	20DBH2	010253	2321101025304	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
662	2021007776	Lê Gia	Anh	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
663	2021003014	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
664	2021002918	Trần Hoài	Linh	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
665	2021007977	Nguyễn Hoàng Phước	Toàn	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
666	2021002969	Phạm Thị Xuân	Mai	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
667	2021003005	Huỳnh Thị Bích	Ngân	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
668	2021007799	Phạm Mạnh	Cường	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
669	2021003681	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
670	2021003508	Nguyễn Thị Thu	Hiển	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
671	2021003450	Lai Minh	Thuần	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
672	2021002962	Hoàng Hải	Phương	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
673	2021007931	Võ Thị Lê	Quỳnh	20DBH1	010253	2321101025305	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	4	5	25-30	MS-TEAMS	
674	2021007802	Lê Thị Mỹ	Dung	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
675	2021007804	Bùi Quang	Duy	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
676	2021007821	Nguyễn Thị Ngân	Hà	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
677	2021008017	Bùi Thị Tường	Y	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
678	2021003097	Võ Hồ Ngọc	My	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
679	2021003591	Nguyễn Việt	Huy	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
680	2021007903	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
681	2021003457	Dương Tiêu	Phùng	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
682	2021007808	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
683	2021003447	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
684	2021003243	Phạm Lê Đăng	Khoa	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
685	2021007798	Nguyễn Quốc	Cường	20DBH3	010253	2321101025306	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
686	2021007896	Huỳnh Quốc Hữu	Nghĩa	20DBH2	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
687	2021003049	Vũ Ngọc Thủy	Quỳnh	20DBH2	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
688	2021002879	Trần Thị Mỹ	Dung	20DBH2	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
689	2021003025	Hứa Quốc	Cường	20DBH2	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
690	2021007820	Nguyễn Ngọc	Hà	20DBH2	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
691	2021003019	Nguyễn Thị Bảo	Trần	20DBH2	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
692	2021007876	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	20DBH2	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
693	1921003686	Lê Thị Ngọc	Quý	19DBH3	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
694	2021003316	Đặng Như	Ngọc	20DBH3	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
695	2021003477	Nguyễn Thị Thùy	Liên	20DBH3	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
696	2021003452	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20DBH3	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
697	2021003427	Hồ Thanh	Thảo	20DBH3	010253	2321101025307	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Phạm Trần Khoa	NV4038	2.00	6	25-30	MS-TEAMS	
698	2021003072	Trương Nguyễn Thị	Thơ	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
699	2021000479	Lâm Hiếu	Vĩ	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
700	2021003496	Ngô Thủy	Vân	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
701	2021003516	Nguyễn Trần Tường	Vy	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
702	2021003730	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
703	2021006873	Lê Hoàng	Phúc	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
704	2021003106	Nguyễn Phạm Bảo	Hân	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
705	1721002412	Huỳnh Hữu	Thịnh	17DBH2	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
706	2021007884	Ngô Thị	Ngát	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
707	2021006893	Trình Nguyễn Gia	Linh	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
708	2021003269	Lê Thị Kim	Nhung	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
709	2021003028	Vân Trần Tú	Trình	20DBH1	010253	2321101025308	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
710	2021007948	Nguyễn Thị Liên	Thanh	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
711	2021003076	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
712	2021003084	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
713	2021003204	Quách Phương	Du	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
714	2021007938	Nguyễn Lê Nam	Son	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
715	2021007975	Đoàn Thị Mỹ	Tiên	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
716	2021008012	Trần Thị Yên	Vy	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
717	2021007965	Nguyễn Thị Kiều	Thu	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
718	2021002910	Phuong Thị Hồng	Hạnh	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
719	2021003123	Lê Mộng Thủy	Vân	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
720	2021007920	Nguyễn Triều	Phúc	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
721	2021003081	Phạm Thị Tuyết	Nga	20DBH3	010253	2321101025309	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Nhân Phúc	1179	4	5	25-30	TN-H.002	Tầng Nhon Phú
722	2021007971	Trần Yên	Trần	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
723	2021007835	Trình Thị Bảo	Hoài	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
724	2021007777	Lê Thị Mai	Anh	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
725	2021003692	Phạm Hà Kiều	My	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
726	2021003443	Bùi Huỳnh	Duyên	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
727	2021003260	Bùi Gia	Thuy	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
728	2021003345	Hồ Thị	Ngân	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
729	2021002978	Trình Thị Kiều	Trang	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
730	2021000532	Đỗ Thị Ngọc	Giàu	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
731	2021008018	Phạm Thị Như	Y	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
732	2021007901	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
733	2021007998	Phan Thị Thanh	Tuyết	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
734	2021007922	Nguyễn Hữu	Phước	20DBH1	010253	2321101025310	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTBH)	Chuẩn	Trần Thị Tuyết Mai	822	5	4	25-30	TN-C.205	Tầng Nhon Phú
735	2121010868	Nguyễn Giao	Xuân	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
736	2121001846	Nguyễn Thị Thu	Ba	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
737	2121001672	Giảng Thị	Thùy	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
738	2121001870	Đặng Thị Cẩm	Hương	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
739	2121001713	Đoàn Quốc	Khánh	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
740	2121007112	Lý Thị Phương	Nhung	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
741	2121001669	Nguyễn Gia	Vy	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
742	2121007053	Phạm Thị Hồng	Linh	21DDA2	010490	2321101049001	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Mai Thoại Diễm Phương	947	4	11	25-30	TN-C.101	Tầng Nhon Phú
743	2121007209	Huỳnh Ngọc Thảo	Vy	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
744	2121001578	Sâm Ly	Huy	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
745	2121006795	Lâm Minh	Thư	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
746	2121007130	Nguyễn Thành	Đức	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
747	2121001609	Huỳnh Như	Ý	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
748	2121001723	Phạm Quỳnh	Hương	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
749	2121001729	Trịnh Đỗ Minh	Châu	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
750	2121001750	Diệp Anh	Tuyết	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
751	2121006846	Bùi Lê Thành	Nhân	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
752	2121012015	Đặng Thu	Trang	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
753	2121012644	Trần Thị Huyền	Thương	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
754	2121007071	Hồ Nguyễn Yến	Oanh	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
755	2121011600	Trần Nguyễn	Phúc	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
756	2121006681	Quách Như	Bình	21DDA1	010490	2321101049002	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	6	6	25-30	TN-B.401	Tầng Nhon Phú
757	2121001841	Phạm Văn	Mãnh	21DDA1	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
758	2121001636	Phạm Quỳnh	Như	21DDA1	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
759	2121006646	Võ Huỳnh Thủy	Duy	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
760	2121012398	Phạm Nguyễn Thủy	Trâm	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
761	2121011666	Ngô Mỹ	Bình	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
762	2121010871	Phạm Thị Thu	Hà	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
763	2121006878	Đặng Thị Ngọc	Linh	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
764	2121001638	Sâm Quang	Huy	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
765	2121007104	Nguyễn Kiều	Thương	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
766	2121007151	Đinh Thị Kim	Hiền	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
767	2121006907	Văn Nguyệt Lan	Anh	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
768	2121001699	Nguyễn Lê	Nguyễn	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
769	2121010877	Nguyễn Thị Hàn	Mi	21DDA2	010490	2321101049003	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	6	25-30	MS-TEAMS	
770	2121013106	Hồ Thị Huỳnh	Anh	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
771	2121013813	Đỗ Hoàng	Lợi	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
772	2121001702	Nguyễn Thụy Ngọc	Ý	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
773	2121007010	Trình Yến	Nhi	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
774	2121011825	Trương Thị	Oanh	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
775	2121012050	Dương Thị Hà	Uyên	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
776	2121012967	Lê Phát	Đạt	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
777	2121001679	Đào Thị Kim	Quý	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
778	2121006718	Nguyễn Minh	Đạt	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
779	2121006678	Lê Sỹ	Đạt	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
780	2121012796	Lâm Bảo	Tuan	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
781	2121010814	Huỳnh Lê Bảo	Duy	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
782	2121010829	Quách Bảo	Hoa	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
783	2121013632	Bành Thị Tú	Quỳnh	21DDA2	010490	2321101049004	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Thái Kim Phong	NV1055	6	11	25-30	TN-B.307	Tầng Nhon Phú
784	2121012509	Nguyễn	Sang	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
785	2121006853	Trần Thị Thủy	Duy	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
786	2121006918	Ngô Nguyễn Ngọc	Linh	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
787	2121012966	Lê Đức Thành	Đạt	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
788	2121013149	Giáp Nguyễn Khánh	Hân	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
789	2121001721	Lê Ngọc Thiên	Kim	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
790	2121007160	Bùi Thị Hồng	An	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
791	2121001789	Lê Ngọc	Trâm	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
792	2121011745	Võ Thị	Khá	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
793	2121006297	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
794	2121013143	Nguyễn Đan	Trường	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
795	2121006637	Đỗ Nguyễn	Vũ	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
796	2121013608	Ngô Thị Ngọc	Anh	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
797	2121001658	Trần Thị	Loan	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
798	2121001682	Trần Thị Hải	Yến	21DDA1	010490	2321101049005	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	6	5	25-30	MS-TEAMS	
799	2021003363	Nguyễn Ngọc Khánh	Hằng	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
800	2021003035	Nguyễn Trần Bảo	Vy	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
801	2021003064	Nguyễn Hoàng Kim	Liên	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
802	2021008007	Đặng Khánh	Vinh	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
803	2021007831	Nguyễn	Hậu	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
804	2021008011	Nguyễn Trần Thảo	Vy	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
805	2021006856	Nguyễn Đình An	Hà	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
806	2021000466	Võ An	Khang	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
807	2021003111	Tô Hoàn	Bừu	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
808	2021003362	Lê Liêu Kim	Trang	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
809	2021000530	Nguyễn Quốc	Thái	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
810	2021003045	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	20DDA	010492	2321101049201	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
811	2021003226	Võ Thị Kim	Lê	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
812	2021007824	Nguyễn Thị Tuyết	Hạnh	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
813	2021007833	Phạm Kỳ	Hiêng	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
814	2021000442	Lương Thị	Thu	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
815	2021007979	Nguyễn Thanh	Trang	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
816	2021008014	Đặng Duy	Vỹ	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
817	2021007947	Nguyễn Chí	Thanh	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
818	2021007870	Võ Thị Mỹ	Linh	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
819	2021006913	Nguyễn Đào Anh	Kiệt	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
820	2021003256	Lã Thị Ngân	Ly	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
821	2021003176	Lê Thị Mỹ	Lê	20DDA	010492	2321101049202	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	4	6	25-30	MS-TEAMS	
822	2021007895	Phan Thị Bảo	Nghi	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
823	2021007908	Phạm Thị Yến	Nhi	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
824	2021007827	Huỳnh Thị Thủy	Hằng	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
825	2021006925	Võ Hoài	Long	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
826	2021007890	Nguyễn Ngô Bảo	Ngân	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
827	2021007930	Nguyễn Cao Hoàng	Quý	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
828	2021007826	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
829	2021002881	Phạm Thị Kim	Thanh	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
830	2021003713	Nguyễn Thị Thanh	Loan	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
831	2021003727	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
832	2021003558	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
833	2021003469	Lê Thanh	Mai	20DDA	010492	2321101049203	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Phạm Hồng Hải	NV1285	3	5	25-30	TN-C.201	Tầng Nhon Phú
834	2021007937	Võ Hà	Sâm	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
835	2021007838	Nguyễn Xuân	Hùng	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
836	2021003188	Tạ Tường	Vân	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
837	2021003171	Lê Trương Hoàng	Vy	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
838	2021010869	Tô Kim	Chu	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
839	2021003328	Nguyễn Uyên	Phượng	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
840	2021003118	Mai Thị	Huyền	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
841	2021003183	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
842	2021003659	Nguyễn Thị Thủy	Huỳnh	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
843	2021007966	Nguyễn Thị	Thu	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
844	2021007894	Dương Ngọc	Nghi	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
845	2021007946	Dương Ngô Nhật	Thanh	20DDA	010492	2321101049204	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Tô Anh Thơ	NV1067	4	6	25-30	TN-B.310	Tầng Nhon Phú
846	2021003543	Trương Vinh	Khoa	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
847	2021003548	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
848	2021007936	Vân Dung Kim	Sang	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
849	2021007846	Vũ Thị Thiên	Hương	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
850	2021007869	Trần Nguyễn Thùy	Linh	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
851	2021007840	Lê Minh	Huy	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
852	2021007892	Phan Thanh	Ngân	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
853	2021007836	Nguyễn Minh	Hoàng	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
854	2021007809	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
855	2021007829	Nguyễn Trần Gia	Hân	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
856	2021000475	Chung Mỹ	Trần	20DDA	010492	2321101049205	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTDA)	Chuẩn	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	2	10	25-30	TN-B.308	Tầng Nhon Phú
857	2121012643	Trần Thị Hoài	Thương	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
858	2121006548	Huỳnh Bảo	Vy	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
859	2121013776	Đỗ Thị Thiên	Thanh	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
860	2121001657	Phạm Cẩm	Tú	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
861	2121013809	Phạm Tuấn	Lộc	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
862	2121012302	Bùi Đình	Hoàng	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
863	2121001822	Phan Thị Thúy	Vy	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
864	2121012605	Nguyễn Lê Kim	Ngân	CLC 21DQT06	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
865	2121011912	Nguyễn Phương	Thảo	CLC 21DQT07	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
866	2121012266	Võ Nguyễn Kiều	Vy	CLC 21DQT07	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
867	2121011999	La Thanh Trúc	Huyền	CLC 21DQT07	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
868	2121002944	Phạm Ngọc Hương	Giang	CLC 21DQT07	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
869	2121012973	Trần Hồng	Thắm	CLC 21DQT07	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
870	2121012970	Lê Tiên	Đạt	CLC 21DQT07	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
871	2121013303	Đương Phan Tường	Vy	CLC 21DQT07	020064	2321702006401	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	3	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
872	2121000066	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CLC 21DQT02	020064	2321702006402	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
873	2121000186	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	CLC 21DQT02	020064	2321702006402	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
874	2121006669	Nguyễn Hữu	Duy	CLC 21DQT02	020064	2321702006402	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
875	2121003333	Nguyễn Minh	Cường	CLC 21DQT02	020064	2321702006402	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
876	2121003336	Phạm Tuấn	Khang	CLC 21DQT02	020064	2321702006402	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
877	2121000052	Nguyễn Thị Thúy	Giang	CLC 21DQT02	020064	2321702006402	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
878	2121000081	Đỗ Lê Hà	Thanh	CLC 21DQT02	020064	2321702006402	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	6	25-30	MS-TEAMS	
879	2121002976	Dư Hoàng Trúc	Nhi	CLC 21DQT04	020064	2321702006403	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiên	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
880	2121003021	Nguyễn Minh	Nhật	CLC 21DQT04	020064	2321702006403	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiên	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
881	2121003058	Võ Phan Kim	Anh	CLC 21DQT04	020064	2321702006403	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiên	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
882	2121003225	Nguyễn Hoàng	Hiếu	CLC 21DQT04	020064	2321702006403	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiên	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
883	2121003232	Nguyễn Bùi Thanh	Ngân	CLC 21DQT04	020064	2321702006403	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiên	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
884	2121003244	Trần Anh	Ngọc	CLC 21DQT04	020064	2321702006403	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiên	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
885	2121003258	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	CLC 21DQT04	020064	2321702006403	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiên	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
886	2121003212	Lê Quang	Vinh	CLC 21DQT04	020064	2321702006404	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
887	2121003060	Trần Thị Mỹ	Dũng	CLC 21DQT04	020064	2321702006404	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
888	2121003010	Abing Phạm Khánh	Linh	CLC 21DQT04	020064	2321702006404	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
889	2121003319	Vũ Thị Thủy	An	CLC 21DQT04	020064	2321702006404	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
890	2121003017	Mạc Như Ngọc	Trâm	CLC 21DQT04	020064	2321702006404	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
891	2121002948	Nguyễn Thị Bích	Lợi	CLC 21DQT04	020064	2321702006404	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
892	2121000244	Trần Anh	Tiền	CLC 21DQT04	020064	2321702006404	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Thu Thảo	916	CN	11	25-30	MS-TEAMS	
893	2121000214	Nguyễn Phúc Đoàn	Trang	CLC 21DQT04	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
894	2121003250	Phạm Ngọc Bảo	Châu	CLC 21DQT04	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
895	2121000242	Nguyễn Triệu Ngọc	Phát	CLC 21DQT04	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
896	2121002881	Huỳnh Thị Thảo	Quỳnh	CLC 21DQT04	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
897	2121003296	Mai Gia	Hân	CLC 21DQT05	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
898	2121000174	Trần Khánh	Quỳnh	CLC 21DQT05	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
899	2121012467	Nguyễn Phương	Quỳnh	CLC 21DQT05	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
900	2121012391	Trịnh Thanh	Tùng	CLC 21DQT05	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
901	2121012098	Cao Yến	Yến	CLC 21DQT05	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
902	2121013763	Trần Linh	Linh	CLC 21DQT05	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
903	2121003306	Trần Cao	Tuyền	CLC 21DQT05	020064	2321702006405	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
904	2121003257	Nguyễn Thị Bảo	Trần	CLC 21DQT01	020064	2321702006406	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
905	2121003283	Phạm Hoàng	Quỳnh	CLC 21DQT01	020064	2321702006406	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
906	2121002895	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	CLC 21DQT01	020064	2321702006406	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
907	2121002954	Nguyễn Hà Thanh	Trúc	CLC 21DQT01	020064	2321702006406	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
908	2121003016	Lê Thu	Hào	CLC 21DQT01	020064	2321702006406	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
909	2121002940	Lê Dương Hồng	Hạnh	CLC 21DQT01	020064	2321702006406	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
910	2121002974	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	CLC 21DQT01	020064	2321702006406	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
911	2121002898	Hà Nguyễn Kim	Khánh	CLC 21DQT04	020064	2321702006407	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	11	25-30	MS-TEAMS	
912	2121003005	Đào Thị Quỳnh	Phương	CLC 21DQT04	020064	2321702006407	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	11	25-30	MS-TEAMS	
913	2121003053	Nguyễn Thị Thu	Huệ	CLC 21DQT05	020064	2321702006407	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	11	25-30	MS-TEAMS	
914	2121002968	Phạm Thị Hải	Yến	CLC 21DQT05	020064	2321702006407	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	11	25-30	MS-TEAMS	
915	2121000078	Bùi Thị Tuyết	Sương	CLC 21DQT05	020064	2321702006407	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	11	25-30	MS-TEAMS	
916	2121012165	Đổng Sỹ Khánh	Linh	CLC 21DQT05	020064	2321702006407	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	11	25-30	MS-TEAMS	
917	2121012867	Đỗ Hà Thanh	Duy	CLC 21DQT05	020064	2321702006407	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lê Thị Thanh Trang	12097	6	11	25-30	MS-TEAMS	
918	2121003255	Nguyễn Trần Bá	Khíem	CLC 21DQT03	020064	2321702006408	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	6	12	25-30	MS-TEAMS	
919	2121003263	Nguyễn Bảo	Trần	CLC 21DQT03	020064	2321702006408	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	6	12	25-30	MS-TEAMS	
920	2121003276	Ngô Anh	Khoa	CLC 21DQT03	020064	2321702006408	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	6	12	25-30	MS-TEAMS	
921	2121002902	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	CLC 21DQT03	020064	2321702006408	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	6	12	25-30	MS-TEAMS	
922	2121002984	Lê Bảo	Sương	CLC 21DQT03	020064	2321702006408	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	6	12	25-30	MS-TEAMS	
923	2121000220	Nguyễn Thị Anh	Thư	CLC 21DQT03	020064	2321702006408	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	6	12	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
924	2121003227	Nguyễn Trương Khánh	Nguyễn	CLC 21DQT03	020064	2321702006408	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Lương Văn Quốc	12073	6	12	25-30	MS-TEAMS	
925	2121000033	Nguyễn Tường	Vy	CLC 21DQT03	020064	2321702006409	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
926	2121000070	Trần Thị Lan	Anh	CLC 21DQT03	020064	2321702006409	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
927	2121000223	Phạm Thị Kim	Anh	CLC 21DQT03	020064	2321702006409	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
928	2121003300	Ngô Thị Thu	Hiền	CLC 21DQT03	020064	2321702006409	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
929	2121010735	Võ Thành	Huy	CLC 21DQT03	020064	2321702006409	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
930	2121003328	Dương Gia	Báo	CLC 21DQT03	020064	2321702006409	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
931	2121003341	Hoàng Gia	Tin	CLC 21DQT03	020064	2321702006409	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Mai Thoại Diễm Phương	947	5	11	25-30	MS-TEAMS	
932	2121003056	Đặng Thị Tuyết	Mai	CLC 21DQT02	020064	2321702006410	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
933	2121000134	Phạm Thị Phương	Ngân	CLC 21DQT03	020064	2321702006410	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
934	2121003338	Lê Bảo	Ngọc	CLC 21DQT03	020064	2321702006410	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
935	2121000132	Trần Thuý Tâm	Đoan	CLC 21DQT03	020064	2321702006410	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
936	2121003222	Nguyễn Trần Ngọc	Trần	CLC 21DQT03	020064	2321702006410	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
937	2121002941	Phạm Quỳnh	Mai	CLC 21DQT03	020064	2321702006410	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
938	2121002970	Nguyễn Thị Hoài	Phương	CLC 21DQT03	020064	2321702006410	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
939	2121000067	Hồ Thanh	Trúc	CLC 21DQT03	020064	2321702006411	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	9	25-30	MS-TEAMS	
940	2121000071	Bùi Thị Thảo	Vy	CLC 21DQT03	020064	2321702006411	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	9	25-30	MS-TEAMS	
941	2121000136	Đỗ Thị Mạnh	Quỳnh	CLC 21DQT03	020064	2321702006411	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	9	25-30	MS-TEAMS	
942	2121000140	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CLC 21DQT03	020064	2321702006411	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	9	25-30	MS-TEAMS	
943	2121003032	Trần Thị Minh	Anh	CLC 21DQT03	020064	2321702006411	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	9	25-30	MS-TEAMS	
944	2121002945	Lê Đăng Phương	Thi	CLC 21DQT03	020064	2321702006411	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	9	25-30	MS-TEAMS	
945	2121003200	Lương Ngọc Như	Ý	CLC 21DQT01	020064	2321702006412	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
946	2121003044	Ngô Đức	Anh	CLC 21DQT01	020064	2321702006412	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
947	2121013187	Phạm Hoàng Xuân	Mừng	CLC 21DQT01	020064	2321702006412	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
948	2121000120	Nguyễn Phan Thuý	Vy	CLC 21DQT01	020064	2321702006412	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
949	2121003133	Huỳnh Thị Diễm	Quỳnh	CLC 21DQT01	020064	2321702006412	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
950	2121000126	Lê Thị Ngọc	Anh	CLC 21DQT01	020064	2321702006412	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
951	2121002937	Xà Tâm	Phát	CLC 21DQT01	020064	2321702006412	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
952	2121000228	Nguyễn Vũ Thùy	Dung	CLC 21DQT02	020064	2321702006413	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
953	2121003329	Võ Công	Danh	CLC 21DQT02	020064	2321702006413	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
954	2121003173	Lê Bội Ngọc	Trâm	CLC 21DQT02	020064	2321702006413	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
955	2121011478	Nguyễn Thái Khánh	Ngân	CLC 21DQT02	020064	2321702006413	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
956	2121000172	Lê Sỹ Hoàng	Anh	CLC 21DQT02	020064	2321702006413	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
957	2121003304	Nguyễn Thị Kim	Cúc	CLC 21DQT02	020064	2321702006413	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
958	2121000045	Nguyễn Ngọc Phương	Giao	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
959	2121000068	Nguyễn Thị Thùy	Dương	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
960	2121000222	Lê Thanh	Thư	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
961	2121003209	Phan Như	Ngọc	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
962	2121002903	Lê Thị Khánh	An	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
963	2121000109	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
964	2121000163	Huỳnh Thị Đoan	Trang	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
965	2121003152	Võ Yên Thảo	Nhi	CLC 21DQT01	020064	2321702006414	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Hải Bình	80103	6	12	25-30	MS-TEAMS	
966	2121003284	Thái Thị Quế	Trần	CLC 21DQT04	020064	2321702006415	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
967	2121003126	Nguyễn Hoàng Thảo	My	CLC 21DQT04	020064	2321702006415	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
968	2121003139	Trình Phương	Nga	CLC 21DQT04	020064	2321702006415	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
969	2121003309	Nguyễn Thị	Luu	CLC 21DQT04	020064	2321702006415	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
970	2121000180	Trần Thị Kim	Oanh	CLC 21DQT04	020064	2321702006415	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
971	2121003038	Cao Thiên	Kim	CLC 21DQT04	020064	2321702006415	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
972	2121003249	Chu Trần Gia	Huy	CLC 21DQT04	020064	2321702006415	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
973	2121013245	Phạm Đăng	Khoa	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
974	2121013426	Hứa Minh	Triết	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
975	2121013432	Bùi Nguyễn Thu	Trúc	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
976	2121012002	Bùi Thị Mỹ	Hiền	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
977	2121012093	Trần Thanh Như	Ý	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
978	2121011938	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
979	2121013186	Viên Ngọc	Mẫn	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
980	2121000256	Lê Hoài	Phong	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
981	2121011879	Huỳnh Ai	Nhi	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
982	2121012583	Huỳnh Minh	Quần	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
983	2121013383	Phạm Anh	Thu	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
984	2121011763	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
985	2121013540	Trương Thị Kim	Ngân	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
986	2121012897	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
987	2121012924	Võ Thị Yên	Ngọc	CLC 21DQT08	020064	2321702006416	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
988	2121003316	Lê Anh	Nhi	CLC 21DQT02	020064	2321702006417	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	2	5	25-30	Q7-A.515	Tân Mỹ Q7
989	2121003129	Nguyễn Thảo	Lý	CLC 21DQT02	020064	2321702006417	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	2	5	25-30	Q7-A.515	Tân Mỹ Q7
990	2121003246	Đỗ Kim	Ngân	CLC 21DQT02	020064	2321702006417	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	2	5	25-30	Q7-A.515	Tân Mỹ Q7
991	2121003292	Phan Thị Thanh	Thanh	CLC 21DQT02	020064	2321702006417	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	2	5	25-30	Q7-A.515	Tân Mỹ Q7

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
992	2121002885	Huỳnh Trần Thanh	Thảo	CLC 21DQT02	020064	2321702006417	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	2	5	25-30	Q7-A.515	Tân Mỹ Q7
993	2121003160	Dương Minh Gia	Huy	CLC 21DQT02	020064	2321702006417	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	2	5	25-30	Q7-A.515	Tân Mỹ Q7
994	2121000121	Vân Phi	Anh	CLC 21DQT02	020064	2321702006417	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	2	5	25-30	Q7-A.515	Tân Mỹ Q7
995	2121013627	Trần Minh	Quân	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
996	2121012754	Tạ Công	Thành	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
997	2121013365	Nghiêm Văn Việt	Tiến	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
998	2121011787	Nguyễn Hưng	Giang	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
999	2121013053	Phan Nguyễn Thảo	Ly	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1000	2121012998	Dương Thị Phương	Thảo	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1001	2121013319	Lê Thị Thu	Hằng	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1002	2121012068	Lê Quỳnh	Như	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1003	2121012255	Ngô Thị Diễm	Châu	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1004	2121012179	Lê Đoàn Nhật	Linh	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1005	2121012265	Phan Ngọc Đăng	Châu	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1006	2121012680	Phạm Trần	Hiếu	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1007	2121012914	Tôn Nữ Minh	Ngọc	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1008	2121013769	Trần Tùng	Linh	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1009	2121013457	Nguyễn Hoàng Hữu Thủy	Cường	CLC 21DQT07	020064	2321702006418	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Phạm Trần Khoa	NV4038	7.00	6	25-30	MS-TEAMS	
1010	2121009818	Hồ Thủy	Dương	CLC 21DQT03	020064	2321702006419	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1011	2121000097	Trần Châu Minh	Tâm	CLC 21DQT03	020064	2321702006419	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1012	2121003317	Huỳnh Mẫn	Đạt	CLC 21DQT03	020064	2321702006419	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1013	2121003322	Nguyễn Châu Minh	Thư	CLC 21DQT03	020064	2321702006419	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1014	2121003125	Nguyễn Thị Phương	Uyên	CLC 21DQT03	020064	2321702006419	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1015	2121003140	Võ Thị Kim	Thanh	CLC 21DQT03	020064	2321702006419	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1016	2121003057	Nguyễn Thị Thủy	Diễm	CLC 21DQT03	020064	2321702006419	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1017	2121003124	Võ Lê Tuyết	Minh	CLC 21DQT04	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1018	2121003158	Nguyễn Trương Minh	Châu	CLC 21DQT04	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1019	2121000060	Trần Võ Mí	Na	CLC 21DQT04	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1020	2121011926	Trần Thị Mỹ	Uyên	CLC 21DQT05	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1021	2121000050	Nguyễn Hữu	Huy	CLC 21DQT05	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1022	2121003128	Lê Quang	Đài	CLC 21DQT05	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1023	2121003260	Lê Trần Hoàng	Yên	CLC 21DQT05	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1024	2121011952	Hoàng Bích	Ngọc	CLC 21DQT05	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1025	2121012191	Ngô Phạm Thủy	Linh	CLC 21DQT05	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1026	2121000131	Đặng Thị Kim	Loan	CLC 21DQT05	020064	2321702006420	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tiểu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1027	2121000168	Lê Hoàng Đức	Thiên	CLC 21DQT04	020064	2321702006421	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tô Anh Thơ	NV1067	4	12	25-30	MS-TEAMS	
1028	2121003136	Lê Văn	Thiên	CLC 21DQT04	020064	2321702006421	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tô Anh Thơ	NV1067	4	12	25-30	MS-TEAMS	
1029	2121003154	Nguyễn Ngọc Như	Y	CLC 21DQT04	020064	2321702006421	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tô Anh Thơ	NV1067	4	12	25-30	MS-TEAMS	
1030	2121003279	Đặng Thị Minh	Tâm	CLC 21DQT04	020064	2321702006421	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tô Anh Thơ	NV1067	4	12	25-30	MS-TEAMS	
1031	2121002998	Lâm Ai	Thanh	CLC 21DQT04	020064	2321702006421	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tô Anh Thơ	NV1067	4	12	25-30	MS-TEAMS	
1032	2121003107	Lê Thị Linh	Chi	CLC 21DQT04	020064	2321702006421	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Tô Anh Thơ	NV1067	4	12	25-30	MS-TEAMS	
1033	2121000216	Nguyễn Ngọc Mai	Thảo	CLC 21DQT02	020064	2321702006422	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	3	5	25-30	Q7-A.508	Tân Mỹ Q7
1034	2121010832	Hà Thiên	Bảo	CLC 21DQT02	020064	2321702006422	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	3	5	25-30	Q7-A.508	Tân Mỹ Q7
1035	2121003120	Bùi Hoàng Bảo	Nghi	CLC 21DQT02	020064	2321702006422	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	3	5	25-30	Q7-A.508	Tân Mỹ Q7
1036	2121003164	Lê Thái Quê	Hương	CLC 21DQT02	020064	2321702006422	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	3	5	25-30	Q7-A.508	Tân Mỹ Q7
1037	2121003221	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CLC 21DQT02	020064	2321702006422	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	3	5	25-30	Q7-A.508	Tân Mỹ Q7
1038	2121003298	Lê Chí	Thanh	CLC 21DQT02	020064	2321702006422	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	3	5	25-30	Q7-A.508	Tân Mỹ Q7
1039	2121002999	Dương Thị Thanh	Tuyền	CLC 21DQT02	020064	2321702006422	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Khánh Hải	NV1098	3	5	25-30	Q7-A.508	Tân Mỹ Q7
1040	2121002920	Võ Thị Ngọc	Trâm	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1041	2121003002	Đặng Minh	Thông	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1042	2121009826	Nguyễn Hồng	Ngọc	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1043	2121006872	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1044	2121000233	Nguyễn Thị Uyên	Thi	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1045	2121000088	Trần Hà	Mỹ	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1046	2121000094	Trần Mỹ Hòa	Thanh	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1047	2121003217	Võ Hoàng	Việt	CLC 21DQT01	020064	2321702006423	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	7	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1048	1921005219	Trần Triệu	Thuy	CLC 19DQT06	020064	2321702006424	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1049	2121003766	Nguyễn Nguyễn Xuân	Thức	CLC 19DQT07	020064	2321702006424	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1050	2021003213	Huỳnh Huê	Anh	CLC 20DQT02	020064	2321702006424	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1051	2021008181	Trần Ngọc Bảo	Trúc	CLC 20DQT03	020064	2321702006424	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1052	2121000064	Nguyễn Tuấn	Anh	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1053	2121000230	Trương Thị Anh	Xuân	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1054	2121011792	Nguyễn Trần Ngân	Giang	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1055	2121003188	Hoàng Thị Diệu	Linh	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1056	2121003277	Nguyễn Đình	Hiếu	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1057	2121003047	Đào Đoàn Ngọc	Minh	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1058	2121003144	Phạm Ngọc Thảo	Anh	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1059	2121013586	Lê Ngọc Doan	Anh	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1060	2121012309	Lý Diệp Linh	Đan	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1061	2121002966	Nguyễn Thị	Duyên	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
1062	2121012232	Nguyễn Quốc	Dũng	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1063	2121012330	Ninh Huỳnh	Đức	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1064	2121003335	Nguyễn Thị Ngọc	Như	CLC 21DQT05	020064	2321702006425	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	7	25-30	Q7-A.212	Tân Mỹ Q7
1065	2121003261	Nguyễn Vũ Linh	Hiền	CLC 21DQT03	020064	2321702006426	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	6	10	25-30	Q7-A.516	Tân Mỹ Q7
1066	2121000227	Phạm Hữu	Thuân	CLC 21DQT03	020064	2321702006426	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	6	10	25-30	Q7-A.516	Tân Mỹ Q7
1067	2121003138	Nguyễn Ngọc	Nhi	CLC 21DQT03	020064	2321702006426	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	6	10	25-30	Q7-A.516	Tân Mỹ Q7
1068	2121003183	Huỳnh Kiều Diễm	Thúy	CLC 21DQT03	020064	2321702006426	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	6	10	25-30	Q7-A.516	Tân Mỹ Q7
1069	2121003055	Trần Thị Quế	Trần	CLC 21DQT03	020064	2321702006426	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	6	10	25-30	Q7-A.516	Tân Mỹ Q7
1070	2121000073	Trương Mẫn	Như	CLC 21DQT04	020064	2321702006426	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	6	10	25-30	Q7-A.516	Tân Mỹ Q7
1071	2121000059	Phạm Thế	An	CLC 21DQT04	020064	2321702006426	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	6	10	25-30	Q7-A.516	Tân Mỹ Q7
1072	2121000010	Võ Thị Mỹ	Duyên	CLC 21DQT02	020064	2321702006427	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	2	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1073	2121000044	Nguyễn Phong	Bình	CLC 21DQT02	020064	2321702006427	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	2	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1074	2121003203	Lê Huỳnh Công	Trí	CLC 21DQT02	020064	2321702006427	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	2	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1075	2121007910	Nguyễn Trương Thục	Đoan	CLC 21DQT02	020064	2321702006427	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	2	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1076	2121003315	Nguyễn Ngọc	Thành	CLC 21DQT02	020064	2321702006427	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	2	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1077	2121005576	Nguyễn Thái	Hòa	CLC 21DQT02	020064	2321702006427	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	2	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1078	2121000039	Trần Minh	Tuân	CLC 21DQT02	020064	2321702006427	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	2	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1079	2121002971	Trần Nhật	Phát	CLC 21DQT01	020064	2321702006428	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1080	2121003134	Trần Kim	Phương	CLC 21DQT01	020064	2321702006428	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1081	2121003226	Nguyễn Anh	Vũ	CLC 21DQT01	020064	2321702006428	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1082	2121003288	Nguyễn Thị Vân	Thảo	CLC 21DQT01	020064	2321702006428	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1083	2121003118	Nguyễn Phạm Hương	Giang	CLC 21DQT01	020064	2321702006428	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1084	2121003220	Vương Võ Thu	Bình	CLC 21DQT01	020064	2321702006428	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1085	2121003041	Nguyễn Lê Thu	Phương	CLC 21DQT01	020064	2321702006428	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1086	2121012915	Trần Thị Như	Ngọc	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1087	2121011889	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1088	2121006861	Trịnh Ngọc Phương	Trang	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1089	2121013698	Trần Nguyễn Phương	Thùy	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1090	2121006609	Nguyễn Hồng	Thơ	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1091	2121012327	Nguyễn Huy	Đức	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1092	2121003084	Lê Hoàng	Danh	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1093	2121013040	Mai Xuân	Hùng	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1094	2121013712	Nguyễn Thị Trúc	Phương	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1095	2121012755	Trần Long	Thành	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1096	2121010753	Lê Nguyễn Nam	Phương	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1097	2121011310	Nguyễn Hoàng Nhật	Vy	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1098	2121012393	Nguyễn Hoàng	Tuyến	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1099	2121011934	Vũ Thị Phương	Uyên	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1100	2121011649	Lê Uyên	Thi	CLC 21DQT06	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1101	2121012132	Nguyễn Phụng	Tường	CLC 21DQT07	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1102	2121013088	Vũ Đình Thanh	Trúc	CLC 21DQT07	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1103	2121012598	Lê Nguyễn Hoàng	Tâm	CLC 21DQT07	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1104	2121012771	Dương Lê Thanh	Tú	CLC 21DQT07	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1105	2121012479	Phan Khánh	Hà	CLC 21DQT07	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1106	2121012818	Lê Anh	Thư	CLC 21DQT07	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1107	2121011828	Nguyễn Lương Văn	Pha	CLC 21DQT07	020064	2321702006429	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1108	2121002900	Thâm Chí	Vĩ	CLC 21DQT05	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1109	2121000024	Nguyễn Thành	Vân	CLC 21DQT05	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1110	2121013752	Phan Gia	Linh	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1111	2121006867	Nguyễn Dương Diệu	Thảo	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1112	2121013470	Lê Thị	Duyên	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1113	2121011875	Đinh Hoài Yến	Nhi	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1114	2121011709	Hà Bảo	Ngân	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1115	2121009497	Huỳnh Lê Trúc	Linh	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1116	2121013855	Trần Trung	Việt	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1117	2121006592	Huỳnh Dương Khánh	Uyên	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1118	2121013428	Nguyễn Quốc	Triều	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1119	2121011892	Nguyễn Minh	Thư	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1120	2121012282	Phạm Gia	Kiệt	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1121	2121013397	Trần Nguyễn Anh	Thư	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1122	2121012484	Trương Thị Thanh	Hà	CLC 21DQT06	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1123	2121012610	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	CLC 21DQT07	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1124	2121012268	Vũ Hoàng Khánh	Vy	CLC 21DQT07	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1125	2121012558	Trần Bình	An	CLC 21DQT07	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1126	2121012519	Trần Đỗ Kim	Khanh	CLC 21DQT07	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1127	2121012658	Đỗ Thụy Trúc	Phương	CLC 21DQT07	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1128	2121012666	Hồ Minh	Hiếu	CLC 21DQT07	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1129	2121012129	Nguyễn Ngọc	Tuyến	CLC 21DQT08	020064	2321702006430	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1130	2021008105	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	CLC 20DQT03	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
1131	2021008121	Phan Thị Tú	Nguyễn	CLC 20DQT03	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1132	2021008137	Hà Kiều	Oanh	CLC 20DQT03	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1133	2021008165	Phạm Phan Thanh	Thúy	CLC 20DQT03	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1134	2021008027	Mai Ngọc Vân	Anh	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1135	2021008054	Lê Mỹ	Hà	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1136	2021008067	Huỳnh Kim	Hoàng	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1137	2021008133	Võ Hồng Thảo	Nhi	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1138	2021008059	Võ Thị Mỹ	Hằng	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1139	2021008157	Ngô Thị Như	Thảo	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1140	2021008175	Trần Thị Trọng	Trần	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1141	2021008101	Hoàng Gia	Minh	CLC 20DQT05	020079	2321702007901	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Đoàn ngọc Minh Hương	NV3995	4	8	25-30	Q7-A.110	Tân Mỹ Q7
1142	2021006399	Nguyễn Trương Thúy	Vy	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1143	2021006407	Nguyễn Đăng Anh	Thư	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1144	2021008028	Ngô Tuấn	Anh	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1145	2021008085	Vũ Dương	Khánh	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1146	2021008131	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1147	2021008145	Nguyễn Thanh	Quân	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1148	2021008173	Huỳnh Ngọc	Trần	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1149	2021008154	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	CLC 20DQT02	020079	2321702007902	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Thị Thu Hồng	NV1059	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1150	2021008048	Trần Thị Thủy	Dương	CLC 20DQT03	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1151	2021008181	Trần Ngọc Bảo	Trúc	CLC 20DQT03	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1152	2021008130	Hoàng	Nhi	CLC 20DQT03	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1153	2021008024	Hoàng Tiến	Anh	CLC 20DQT04	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1154	2021008061	Đỗ Gia	Hân	CLC 20DQT04	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1155	2021008094	Đình Thị Hoàng	Linh	CLC 20DQT04	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1156	2021008032	Phan Trần Trâm	Anh	CLC 20DQT04	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1157	2021008126	Lê Việt Minh	Nhật	CLC 20DQT05	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1158	2021008176	Trương Bảo	Trần	CLC 20DQT05	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1159	2021008163	Trần Đình Hoàng	Thuận	CLC 20DQT05	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1160	2021008020	Nguyễn Diệu	Ái	CLC 20DQT05	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1161	2021008071	Đặng Thanh	Huy	CLC 20DQT05	020079	2321702007903	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hồ Xuân Tiến	NV3984	7	5	25-30	Q7-A.310	Tân Mỹ Q7
1162	2021008136	Võ Thái Thanh	Như	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1163	2021008164	Đào Thị Thanh	Thúy	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1164	2021008056	Nguyễn Lê Diễm	Hằng	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1165	2021008036	Lê Thị Phương	Anh	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1166	2021008089	Nguyễn Phạm Nhật	Khang	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1167	2021008100	Lê Ngọc Trà	Mi	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1168	2021008160	Nguyễn Quốc	Thông	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1169	2021008143	Nguyễn Mai	Phương	CLC 20DQT04	020079	2321702007904	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Hoàng Văn Trung	NV1061	2	6	25-30	PN-B.202	Trụ sở chính
1170	2021006390	Đỗ Như	Ngọc	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1171	2021000004	Nguyễn Thị Hải	Yên	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1172	2021006392	Mai Minh	Thuận	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1173	2021000026	Võ Thị Tuyết	Nhi	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1174	2021001420	Phan Dương	Khang	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1175	2021000005	Lâm Võ Thảo	Vy	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1176	2021000013	Phạm Thị Thu	Hà	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1177	2021000042	Nguyễn Thiện	Phát	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1178	2021000048	Đinh Thị Sang	Sang	CLC 20DQT01	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1179	2021008110	Lư Bội	Nghị	CLC 20DQT05	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1180	2021008150	Trần Thu	Sương	CLC 20DQT05	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1181	2021008058	Nguyễn Thúy	Hằng	CLC 20DQT05	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1182	2021008122	Phạm Nguyễn Tâm	Nguyễn	CLC 20DQT05	020079	2321702007905	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lê Ngọc Hải	1060	2	5	25-30	Q7-A.306	Tân Mỹ Q7
1183	2021008704	Phan Lý	Kiệt	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1184	2021008010	Phan Hoàng	Vũ	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1185	2021008022	Vũ Thị Thúy	An	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1186	2021007945	Phan Quốc	Thái	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1187	2021007788	Trần Gia	Bao	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1188	2021007565	Hoàng Lê Huỳnh	Mai	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1189	2021008125	Võ Thị Hồng	Nhân	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1190	2021008675	Phan Võ Mỹ	Hân	CLC 20DQT06	020079	2321702007906	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Lượng Văn Quốc	12073	5	12	25-30	MS-TEAMS	
1191	2021003695	Trần Phương	Anh	CLC 20DQT02	020079	2321702007907	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
1192	2021008045	Võ Phúc Xuân	Diệu	CLC 20DQT02	020079	2321702007907	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
1193	2021008162	Đình Huỳnh Mỹ	Thuận	CLC 20DQT02	020079	2321702007907	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
1194	2021008066	Nguyễn Thị Thanh	Hiệp	CLC 20DQT03	020079	2321702007907	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
1195	2021008080	Nguyễn Vũ	Khang	CLC 20DQT03	020079	2321702007907	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
1196	2021008083	Lâm Quang	Khánh	CLC 20DQT03	020079	2321702007907	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7
1197	2021008141	Võ Nguyễn Đình	Phú	CLC 20DQT03	020079	2321702007907	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Gia Ninh	NV1057	4	6	25-30	Q7-A.213	Tân Mỹ Q7

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
1198	2021008158	Trần Thị Thu	Thảo	CLC 20DQT03	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1199	2021008168	Tổng Nguyễn Minh	Thư	CLC 20DQT03	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1200	1921004996	Phạm Thế	Anh	CLC 19DQT07	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1201	2021008040	Mai Thị	Bình	CLC 20DQT03	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1202	2021008112	Trần Trọng	Nghĩa	CLC 20DQT03	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1203	2021008035	Trần Sỹ Tùng	Anh	CLC 20DQT03	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1204	2021008050	Bùi Chí	Đạt	CLC 20DQT03	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1205	2021008068	Nguyễn Đức Huy	Hoàng	CLC 20DQT03	020079	2321702007908	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Kiều Oanh	1172	3	10	25-30	MS-TEAMS	
1206	2021008070	Lê Phú	Hùng	CLC 20DQT02	020079	2321702007909	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1207	2021008151	Đặng Quốc	Tài	CLC 20DQT02	020079	2321702007909	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1208	20210060500	Lê Trần Minh	Trí	CLC 20DQT02	020079	2321702007909	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1209	2021008098	Võ Thị Thùy	Linh	CLC 20DQT02	020079	2321702007909	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1210	2021008139	Ngô Tấn	Phú	CLC 20DQT02	020079	2321702007909	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1211	2021008149	Bùi Ngọc	Son	CLC 20DQT02	020079	2321702007909	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1212	2021008167	Đoàn Thị Anh	Thư	CLC 20DQT02	020079	2321702007909	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Phi Hoàng	1083	4	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1213	2021006911	Phạm Phương	Anh	CLC 20DQT02	020079	2321702007910	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
1214	2021006914	Nguyễn Huyền Tuệ	Nhi	CLC 20DQT02	020079	2321702007910	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
1215	2021001434	Lê Nguyễn Gia	Huy	CLC 20DQT02	020079	2321702007910	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
1216	2021008043	Nguyễn Thành	Danh	CLC 20DQT02	020079	2321702007910	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
1217	2021008065	Trần Thị Diệu	Hiền	CLC 20DQT02	020079	2321702007910	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
1218	1921005045	Nguyễn Đức Hoàng	Ha	CLC 19DQT06	020079	2321702007910	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
1219	2021002975	Trần Thị Kim	Loan	CLC 20DQT02	020079	2321702007910	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thanh Lâm	1112	7	6	25-30	MS-TEAMS	
1220	2021008063	Nguyễn Dương Gia	Hân	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1221	2021008084	Trương Huỳnh Mỹ	Khánh	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1222	2021008087	Nguyễn Đăng	Khoa	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1223	2021008030	Nguyễn Tuấn	Anh	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1224	2021008042	Nguyễn Đăng Đan	Chi	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1225	2021008118	Lê Huỳnh Trung	Nguyễn	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1226	2021008092	Ngô Thanh	Lâm	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1227	2021008107	Võ Ngọc	Nam	CLC 20DQT04	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1228	2021008029	Nguyễn Hoàng Ngọc	Anh	CLC 20DQT05	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1229	2021008086	Nguyễn Anh	Khoa	CLC 20DQT05	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1230	2021008114	Nguyễn Phan Bảo	Ngọc	CLC 20DQT05	020079	2321702007911	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Nguyễn Thị Minh Trâm	1246	5	6	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1231	2021008034	Trần Hải	Anh	CLC 20DQT03	020079	2321702007912	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
1232	2021008169	Phạm Nhật	Tiền	CLC 20DQT03	020079	2321702007912	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
1233	2021008090	Nguyễn Lê Tuấn	Kiệt	CLC 20DQT03	020079	2321702007912	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
1234	2021001423	Đương Mỹ	Hân	CLC 20DQT03	020079	2321702007912	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Hồng Hải	NV1285	2	5	25-30	Q7-A.312	Tân Mỹ Q7
1235	2021007957	Trương Thị Thu	Hào	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1236	2021007830	Trần Thị Ngọc	Hân	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1237	2021008025	Lê Nguyễn Văn	Anh	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1238	2021008097	Nguyễn Thanh Phương	Linh	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1239	2021008120	Nguyễn Khởi	Nguyễn	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1240	2021008179	Trần Nhật	Triệu	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1241	2021008002	Nguyễn Đỗ Nhã	Uyển	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1242	2021003432	Nguyễn Thị Mai	Nhi	CLC 20DQT06	020079	2321702007913	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Ngọc Mai	1140	3	5	25-30	Q7-A.601	Tân Mỹ Q7
1243	2021001372	Hồ Hữu	Tiền	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1244	2021001404	Nguyễn Ngọc Lan	Thảo	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1245	2021001438	Huỳnh Đình Ngân	Khánh	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1246	2021006438	Đặng Minh	Trâm	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1247	2021006445	Trần Quỳnh	Anh	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1248	2021000006	Nguyễn Thu	Hiền	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1249	2021000017	Võ Thái Hồng	Vi	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1250	2021000018	Trần Nguyễn Gia	Linh	CLC 20DQT01	020079	2321702007914	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	4.00	11	25-30	MS-TEAMS	
1251	2021008072	Nguyễn Trần	Huy	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1252	2021008189	Quách Gia	Vinh	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1253	2021008135	Phạm Thị Thúy	Như	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1254	2021008021	Nguyễn Thị Giang	An	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1255	2021008044	Nguyễn Ngô Thanh	Diệu	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1256	2021008079	Phạm Tuấn	Kha	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1257	2021008185	Nguyễn Thành	Tuân	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1258	2021008096	Nguyễn Phương	Linh	CLC 20DQT03	020079	2321702007915	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Thái Kim Phong	NV1055	5	11	25-30	Q7-A.111	Tân Mỹ Q7
1259	2021008053	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1260	2021008184	Đoàn Quốc	Tuân	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1261	2021008076	Lý Nguyễn	Hùng	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1262	2021008117	Đinh Bạch Kim	Nguyễn	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1263	2021008129	Đinh Phan Hoài	Nhi	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1264	2021008161	Đặng Hoàng Thi	Thơ	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1265	2021008191	Hồ Châu Thảo	Vy	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1266	2021008171	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	CLC 20DQT04	020079	2321702007916	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Tiêu Văn Trang	1249	3	12	25-30	MS-TEAMS	
1267	2021000040	Trần Ngọc Anh	Thư	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
1268	2021001430	Phan Ngọc Kim	Ngân	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1269	2021000011	Bùi Thị	Nhâm	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1270	2021001422	Nguyễn Thanh	Dung	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1271	2021001436	Đặng Trương Gia	Hân	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1272	2021001386	Nguyễn Huỳnh	Giao	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1273	2021001396	Ngô Nguyễn Bảo	Khánh	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1274	2021006427	Nguy Khánh	Vy	CLC 20DQT01	020079	2321702007917	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nguyễn Kim Đan	NV1054	5	8	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1275	2021001433	Huỳnh Bảo	Châu	CLC 20DQT01	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1276	2021001383	Huỳnh Nguyễn Phương	Anh	CLC 20DQT01	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1277	2021001464	Lê Trinh Thảo	Uyên	CLC 20DQT01	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1278	2021006408	Nguyễn Thị Xuân	Anh	CLC 20DQT01	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1279	2021006414	Nguyễn Trúc Phương	Uyên	CLC 20DQT01	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1280	1921005086	Nguyễn Ngọc	Khánh	CLC 19DQT04	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1281	2021000016	Phạm Phương	Thảo	CLC 20DQT01	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1282	2021001441	Lê Huỳnh Minh	Tú	CLC 20DQT01	020079	2321702007918	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	5	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1283	2021008187	Nguyễn Thị Tường	Vân	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1284	2021008082	Lê Ngọc Vi	Khanh	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1285	2021008095	Đinh Thị Phương	Linh	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1286	2021008127	Phạm Hoàng Minh	Nhật	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1287	2021008051	Ngô Nguyễn Thành	Đạt	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1288	2021008132	Trịnh Hà Yên	Nhi	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1289	2021008147	Hồ Minh	Quốc	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1290	2021008077	Lê Thị Thu	Hương	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1291	2021008104	Trần Phùng Hoàng	Minh	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1292	2021008116	Võ Châu Thảo	Ngọc	CLC 20DQT04	020079	2321702007919	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Quốc Tuấn	NV1049	7	2	25-30	Q7-A.409	Tân Mỹ Q7
1293	2021008102	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1294	2021008113	Nguyễn Lê Anh	Ngọc	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1295	2021008140	Ngô Vinh	Phú	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1296	2021008153	Cao Hoài	Tân	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1297	2021008194	Trần Thái Thảo	Vy	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1298	2021008039	Phan Quốc	Bảo	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1299	2021008049	Dư Thảo	Dy	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1300	2021008052	Hà Thị Hương	Giang	CLC 20DQT03	020079	2321702007920	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7
1301	2021010259	Đỗ Hoài	Phương	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1302	2021009529	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1303	2021007848	Phan Phước	Khải	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1304	2021008134	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1305	2021007795	Trần Trường	Chinh	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1306	2021008124	Võ Quang	Nhân	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1307	2021008009	Nguyễn Đăng	Vinh	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1308	2021008148	Phan Thị Thu	Quỳnh	CLC 20DQT06	020079	2321702007921	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Thị Tuyết Mai	822	2	4	25-30	Q7-A.210	Tân Mỹ Q7
1309	2021008128	Cao Thị Ngọc	Nhi	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1310	2021008075	Lê Sơn	Hưng	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1311	2021008069	Dương Thị Mỹ	Huê	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1312	2021006395	Mai Ngọc	Thy	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1313	2021003228	Nguyễn Thị Thanh	Vy	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1314	2021003213	Huỳnh Huê	Anh	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1315	2021008180	Phan Văn	Trong	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1316	2021003632	Lê Quốc	Khang	CLC 20DQT02	020079	2321702007922	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trần Vinh Hoàng	1296	7	8	25-30	MS-TEAMS	
1317	2021008103	Phan Văn Bình	Minh	CLC 20DQT05	020079	2321702007923	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1318	2021008108	Châu Ngọc Kim	Ngân	CLC 20DQT05	020079	2321702007923	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1319	2021008156	Trần Nguyễn Phương	Thanh	CLC 20DQT05	020079	2321702007923	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1320	2021008178	Nguyễn Cao	Tri	CLC 20DQT05	020079	2321702007923	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1321	2021008193	Nguyễn Thị Mỹ	Vy	CLC 20DQT05	020079	2321702007923	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1322	2021008091	Ngô Phương	Lâm	CLC 20DQT05	020079	2321702007923	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1323	2021008183	Đinh Phạm Minh	Tuấn	CLC 20DQT05	020079	2321702007923	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Trương Thị Thủy Vân	1281	3	5	25-30	Q7-A.109	Tân Mỹ Q7
1324	2021008023	Dương Thị Kiều	Anh	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1325	2021008033	Phạm Hoàng Kim	Anh	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1326	2021008111	Phạm Chân	Nghi	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1327	2021008138	Phạm Hồng	Phi	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1328	2021008155	Trần Chí	Thanh	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1329	2021008177	Võ Huyền	Trần	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1330	2021008186	Trần Minh	Tuấn	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1331	2021008062	Đặng Thị Ngọc	Hân	CLC 20DQT05	020079	2321702007924	Thực hành nghề nghiệp 2 (QTKDTH)	CLC	Vũ Hồng Vân	NV1283	5	4	25-30	Q7-A.112	Tân Mỹ Q7
1332	2121012539	Đỗ Hoài	An	CLC 21DBH01	020577	2321702057701	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
1333	2121003259	Lê Phi	Anh	CLC 21DBH01	020577	2321702057701	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
1334	2121009837	Trần Đạt	Duy	CLC 21DBH01	020577	2321702057701	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
1335	2121011576	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	CLC 21DBH01	020577	2321702057701	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Mã học phần	Mã Lớp học phần mới	Tên học phần	Chương trình	LỊCH CỤ THỂ						
									Giảng viên hướng dẫn	Mã GV	Thứ	Tiết bắt đầu	Tuần	Phòng	Cơ sở
1336	2121012399	Trần Hữu Phương	Trâm	CLC 21DBH01	020577	2321702057701	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
1337	2121000043	Trương Thị Cẩm	Tiên	CLC 21DBH01	020577	2321702057701	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	
1338	2121013010	Nguyễn Diệu	Linh	CLC 21DBH01	020577	2321702057701	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Phạm Thị Trâm Anh	1005	2	11	25-30	MS-TEAMS	x
1339	2121003318	Võ Lê Minh	Khoa	CLC 21DBH01	020577	2321702057702	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1340	2121012246	Trần Hoàng Gia	Bảo	CLC 21DBH01	020577	2321702057702	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1341	2121000149	Lê Võ Nguyệt	Kiều	CLC 21DBH01	020577	2321702057702	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1342	2121003037	Lưu Trần Thảo	Vy	CLC 21DBH01	020577	2321702057702	Thực hành nghề nghiệp 1 (QTBH)	CLC	Trần Nhân Phúc	1179	6	1	25-30	Q7-A.106	Tân Mỹ Q7
1343	1811000499	Nguyễn Hồ Hoàng Tuấn	Khang	CLC 18CQT01	1500102	23227150010201	Thực tập nghề nghiệp 2 (QTKD)	CLC	Trần Thị Siêm	NV1060	4	10	25-30	Q7-A.509	Tân Mỹ Q7

Bảng phân tiết			
Buổi học	Tiết	Bắt đầu	Kết thúc
Sáng	1	07 giờ 00'	07 giờ 50'
Sáng	2	07 giờ 50'	08 giờ 40'
Sáng	3	08 giờ 55'	09 giờ 45'
Sáng	4	09 giờ 45'	10 giờ 35'
Sáng	5	10 giờ 35'	11 giờ 25'
Trưa	38	11 giờ 25'	12 giờ 15'
Trưa	39	12 giờ 15'	13 giờ 00'
Chiều	6	13 giờ 00'	13 giờ 50'
Chiều	7	13 giờ 50'	14 giờ 40'
Chiều	8	14 giờ 55'	15 giờ 45'
Chiều	9	15 giờ 45'	16 giờ 35'
Chiều	10	16 giờ 35'	17 giờ 25'
Tối	11	18 giờ 00'	18 giờ 50'
Tối	12	19 giờ 05'	19 giờ 55'
Tối	13	19 giờ 55'	20 giờ 45'